Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-20 17:35:36 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 180/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các Thành viên Chính phủ, ý kiến các đại biểu dự họp và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, tổ chức vào ngày 04 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

I. Về tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 06 tháng đầu năm 2026

Chính phủ thống nhất đánh giá: Trong tháng 6 và 06 tháng đầu năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn ra gay gắt, xung đột quân sự tại Trung Đông tiềm ẩn nguy cơ bất ổn; một số nền kinh tế lớn gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và thuế quan, duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, tác động đến tỷ giá, lãi suất, nợ công và triển vọng tăng trưởng toàn cầu. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan do tác động của hiện tượng El Nino gây thiệt hại nặng nề tại nhiều quốc gia.

Ở trong nước, dưới sự lãnh đạo toàn diện, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới, chủ động, quyết liệt, quyết đoán, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trên các lĩnh vực; hoàn thành khối lượng lớn nhiệm vụ, công việc thường xuyên, xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, đồng thời ứng phó linh hoạt, kịp thời với những vấn đề cấp bách phát sinh, biến động từ bên ngoài và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm chiến lược theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV, các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội tháng 6, quý II và 06 tháng đầu năm 2026 của nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực, nhiều kết quả tốt hơn tháng trước, quý trước và cùng kỳ năm trước, tạo đà, tạo lực hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ cả năm.

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Tăng trưởng kinh tế (GDP) quý II ước tăng 8,39% so với cùng kỳ, cao nhất từ năm 2011 đến nay, tính chung 06 tháng tăng 8,18%; có 09 địa phương tăng trưởng 2 con số (chiếm xấp xỉ 18,6% GDP cả nước), trong đó một số địa phương trọng điểm có tốc độ tăng trưởng cao nhất là: Ninh Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Phú Thọ, Tây Ninh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 giảm 0,39% so với tháng trước, bình quân 06 tháng tăng 4,38%. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định; đưa vào hoạt động sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước từ cuối tháng 6, tạo kênh huy động vốn mới cho doanh nghiệp, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Thu ngân sách nhà nước 06 tháng ước đạt 1,57 triệu tỷ đồng, bằng 62% dự toán, tăng 17,4% so với cùng kỳ trong khi đã thực hiện miễn, giảm thuế, phí khoảng 89 nghìn tỷ đồng và gia hạn thuế, tiền thuê đất khoảng 125 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách được kiểm soát tốt. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 06 tháng đạt 549,69 tỷ đô la Mỹ (USD), tăng 27,1% so với cùng kỳ; trong đó, xuất khẩu đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21%, là các mức tăng cao nhất trong cùng kỳ từ năm 2022 đến nay. Giải ngân vốn đầu tư công đến hết tháng 6 ước đạt 357 nghìn tỷ đồng, đạt 35,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tương đương về tỷ lệ và cao hơn khoảng 38,4 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 6 và 06 tháng ước tăng lần lượt 12,7% và 10,8% so với cùng kỳ, cao nhất từ năm 2019 đến nay; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,4%. Bảo đảm an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu cho nền kinh tế. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 6 đạt 51,8 điểm, là tháng thứ 12 liên tiếp trên 50 điểm. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, vượt mục tiêu đề ra, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 35,88 tỷ USD, tăng 6% so cùng kỳ, cán cân thương mại nông, lâm, thủy sản ước đạt thặng dư khoảng 9,2 tỷ USD. Khu vực dịch vụ tăng trưởng mạnh; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 06 tháng tăng 12,9%; khách quốc tế đến Việt Nam 06 tháng đạt 12,25 triệu lượt người, tăng 14,9% so với cùng kỳ, cao nhất trong cùng kỳ nhiều năm qua. Hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển tích cực; tính chung 06 tháng có 169,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 11,2% so với cùng kỳ; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 1,8 triệu tỷ đồng, tăng 12,9%; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 34,65 tỷ USD, vốn FDI thực hiện ước đạt 13,03 tỷ USD, tăng lần lượt 61% và 11,2% so cùng kỳ.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng trong các tháng cuối năm 2026, giao bổ sung chỉ tiêu cho các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng "2 con số". Tập trung xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư, không sử dụng sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính. Hạ tầng chiến lược có nhiều đột phá; tiến độ các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, các dự án năng lượng, dự án phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027 được đẩy nhanh tiến độ và

bảo đảm chất lượng; trong 06 tháng đã hoàn thành, đưa vào khai thác 395 km đường bộ cao tốc, bảo đảm khai thác toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; 96 dự án nhà ở xã hội hoàn thành với quy mô khoảng 27,6 nghìn căn hộ. Các dự án, vụ việc tồn đọng, kéo dài được tập trung, xử lý quyết liệt (rà soát, phân loại, đề xuất cấp thẩm quyền và phương án xử lý, tháo gỡ 3.438/4.606 dự án vướng mắc). Đẩy mạnh chuyển dịch năng lượng, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; đấu tranh, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm sở hữu trí tuệ và an toàn thực phẩm. Nhiều tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá tích cực, dự báo khả quan về triển vọng phát triển kinh tế của nước ta trong năm 2026.

Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo được chú trọng. Tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử trọng đại, quan trọng của đất nước, các sự kiện văn hóa, du lịch nổi bật… trong 06 tháng đầu năm 2026. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và triển khai Đề án 06 được đẩy mạnh; đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia; hạ tầng số được đầu tư, chất lượng dịch vụ công trực tuyến được nâng lên. Ngành giáo dục tích cực chuẩn bị từ sớm để bảo đảm tổ chức tốt năm học mới 2026 - 2027; thực hiện tốt chủ trương của Đảng đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới. Ngành y tế làm tốt công tác khám, chữa bệnh; miễn phí khám, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế từ ngày 01 tháng 7 năm 2026; Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 đi vào hoạt động từ ngày 26 tháng 6 năm 2026; Bệnh viện Việt Đức cơ sở 2 dự kiến hoạt động ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa" được chú trọng, thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả. Tích cực triển khai Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, hướng tới kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7. Các chương trình tín dụng chính sách xã hội tiếp tục được triển khai hiệu quả, trong 06 tháng đầu năm đã giải ngân gần 91,1 nghìn tỷ đồng cho gần 1,3 triệu lượt khách hàng chính sách. Công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão, phòng, chống đuối nước cho trẻ em được quan tâm chỉ đạo. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; thu nhập bình quân người lao động đạt khoảng 9 triệu đồng/tháng, tăng 8,7% so với cùng kỳ; bảo đảm đủ nguồn tăng lương cơ sở từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh được triển khai quyết liệt. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 14 luật; ban hành theo thẩm quyền 306 nghị định, nghị quyết quy phạm pháp luật, 192 nghị quyết chỉ đạo điều hành; Thủ tướng Chính phủ ban hành 35 quyết định quy phạm pháp luật; bãi bỏ, sửa đổi 70 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; phân cấp 402 thủ tục hành chính từ trung ương cho địa phương; cắt giảm, đơn giản hóa 1.370 thủ tục hành chính, 1.754 điều kiện kinh doanh. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bên trong tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan trung ương; hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố (cả nước giảm khoảng 43% thôn, tổ dân phố), giải quyết dứt điểm việc kết thúc hoạt động người không chuyên trách cấp xã theo đúng thời gian quy định; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm chính quyền địa phương 02 cấp vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được đẩy mạnh. Công tác đối ngoại, nhất là các hoạt động đối ngoại cấp cao của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đối ngoại đa phương được triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đạt nhiều kết quả thiết thực, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Chi tiết về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước chủ yếu của cả nước tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục gặp khó khăn, thách thức. Tăng trưởng GDP vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra, tạo áp lực lên điều hành trong 6 tháng cuối năm; kiểm soát lạm phát còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công một số dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia còn chậm so với kế hoạch; thu ngân sách nhà nước có xu hướng tăng chậm. Các động lực tăng trưởng về tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu chưa phát huy hết tiềm năng; cán cân dịch vụ thâm hụt; nhập siêu vẫn ở mức cao do nền kinh tế còn lệ thuộc vào nhiều chuỗi cung ứng bên ngoài. Một số ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng, đất đai, công nghệ, nguồn nhân lực. Việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết chưa được giải quyết triệt để; chậm sửa đổi một số thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Vận hành chính quyền địa phương 2 cấp tại một số nơi còn lúng túng, thiếu cán bộ chuyên môn sâu ở một số lĩnh vực quan trọng. Thiên tai, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; vấn đề ô nhiễm không khí, nguồn nước, ùn tắc giao thông tại một số thành phố lớn chưa được xử lý hiệu quả. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo. Tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn, tội phạm công nghệ cao, lừa đảo qua mạng, buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, vệ sinh an toàn thực phẩm còn diễn biến phức tạp.

II. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục biến động phức tạp, khó đoán định, tác động đến triển vọng tăng trưởng toàn cầu… Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ cả những yếu tố bất lợi bên ngoài, cùng với những khó khăn nội tại chưa khắc phục hoàn toàn và những vấn đề phát sinh; tình hình thiên tai, thời tiết cực đoan tiềm ẩn rủi ro sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh năng lượng, tạo áp lực đến ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế và công tác quản lý, điều hành.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các thành viên Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quán triệt nghiêm, triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; các Kết luận của Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là 10 nghị quyết đột phá, chiến lược của Bộ Chính trị, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ

Quốc hội. Đồng thời, tập trung quán triệt chỉ đạo tại Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm để cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm theo tiến độ từng tháng, quý, xác định rõ cơ quan chủ trì, người chịu trách nhiệm và công khai kết quả thực hiện; phát huy hiệu quả thể chế, chính sách, giải pháp mới ban hành; *"hành động, hành động và hành động; làm việc, làm việc và làm việc"*, phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trong đó chú trọng một số nội dung sau đây:

1. Tập trung giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ít nhất 10%. Khẩn trương rà soát, cập nhật, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng của toàn bộ ngành, lĩnh vực, địa phương. Điều hành đồng bộ chính sách tài khóa, tiền tệ; hướng tín dụng vào sản xuất, xuất khẩu, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo, nhà ở và hạ tầng thiết yếu; kiểm soát đầu cơ, nợ xấu, bảo đảm lành mạnh hoạt động ngân hàng và kiểm soát rủi ro hệ thống. Quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách nhà nước, chống thất thu, lạm thu, nuôi dưỡng nguồn thu, nhất là khu vực hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ; chống chuyển giá và lãng phí. Sớm đưa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam vào hoạt động; khẩn trương xây dựng khu kinh tế đặc biệt tại một số địa phương trọng điểm.

2. Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng các dự án, công trình quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, hạ tầng chiến lược, các công trình có sức lan tỏa cao, nhất là đường sắt, đường bộ, hàng không, năng lượng, nông nghiệp, hạ tầng số quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia. Triển khai thí điểm chấm điểm thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công định kỳ hằng tháng tiến tới triển khai chính thức từ tháng 10 năm 2026, làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công các năm tới, phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch. Khẩn trương triển khai thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng kéo dài thuộc thẩm quyền và quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài chính tổng hợp, cập nhật để theo dõi tiến độ.

3. Khơi thông động lực tăng trưởng truyền thống, tạo đột phá động lực tăng trưởng mới. Chú trọng phát triển cả 3 khu vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Hoàn thành điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết ngành đúng tiến độ. Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới; không gian đô thị cao tầng tại khu vực phù hợp, không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian số, không gian biển. Phát triển kinh tế biển theo chiều sâu, khai thác bền vững các ngành kinh tế biển mới như điện gió ngoài khơi, nuôi biển công nghệ cao, công nghệ sinh học biển, khử mặn, tín chỉ carbon xanh và phục hồi hệ sinh thái biển. Đẩy mạnh triển khai nhiệm vụ phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược; ưu tiên các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ lõi. Xây dựng hạ tầng số, phát triển nền tảng số quốc gia; bảo đảm tiến độ hoàn thành, triển khai, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, trung tâm dữ liệu lớn kết nối liên thông, tích hợp, tăng cường chia sẻ, khai thác gắn với bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh an toàn hệ thống thông tin, phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

4. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, sản phẩm, chuỗi cung ứng; khai thác cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược và các FTA đã ký; thúc đẩy đàm phán, ký kết các FTA mới. Phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý phòng vệ thương mại, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn xanh, ngăn chặn gian lận xuất xứ. Tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng... Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; thu hút FDI có chọn lọc, ưu tiên dự án có công nghệ, liên kết với doanh nghiệp Việt Nam đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ.

5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng, thi hành pháp luật. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2026; dự án luật, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026 có thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 7 để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành 22 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 trở về trước. Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch; xử lý các quy định chồng chéo, nhất là về đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đấu thầu, môi trường, tài sản công và phân cấp.

6. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ, các cấp ủy và hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nhất là đơn vị sự nghiệp công lập các bộ, ngành, địa phương, tổ chức bộ máy bên trong, bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khắc phục tình trạng cắt khúc, phân mảnh trong quản lý nhà nước. Sắp xếp, điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương của Bộ Chính trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Tập trung thực hiện 11 Nghị quyết về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Khẩn trương hoàn thành đề án, nhiệm vụ đã quá hạn, khắc phục tình trạng nợ đọng.

7. Triển khai đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực tri ân, đền ơn, đáp nghĩa nhân kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7. Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, ký túc xá công nhân tại các khu công nghiệp, đô thị lớn. Triển khai tích cực Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đào tạo lại, nâng cao kỹ năng, hỗ trợ chuyển đổi nghề. Tổ chức các hoạt động vui hè; phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước và bảo đảm an toàn, cho trẻ em, học sinh trong thời gian không đến trường.

8. Chủ động, quyết liệt, kịp thời ứng phó, kiểm soát, xử lý hiệu quả các bệnh truyền nhiễm mới nổi và thường gặp vào mùa nắng nóng; bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Chủ động phòng chống, ứng phó với thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, bão lũ, sạt lở…, nhất là

tại đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, vùng ven biển và các đô thị lớn. Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội; đẩy nhanh tiến độ xây dựng chương trình, đề án, cơ chế, chính sách trọng điểm về phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa.

9. Làm tốt công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên, nhất là người đứng đầu đủ năng lực, ngang tầm nhiệm vụ; thực hiện đúng quy định về tiếp công dân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh trật tự. Củng cố vững chắc tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ; thúc đẩy hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ nguồn; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

10. Xây dựng kế hoạch năm 2027 ngay từ quý III năm 2026, đặt trong tầm nhìn cả giai đoạn 2026 - 2030 trên cơ sở giao chỉ tiêu cụ thể và dựa trên đánh giá đúng các điểm nghẽn, có kịch bản điều hành cụ thể, xác định sớm ưu tiên chính sách, nhiệm vụ, nguồn lực. Yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước trực tiếp chỉ đạo những việc lớn, việc khó, việc liên ngành và các điểm nghẽn kéo dài; xây dựng kế hoạch năm 2027 của bộ, cơ quan, địa phương mình và chịu trách nhiệm về chất lượng kế hoạch. Chấm dứt tình trạng nêu khó khăn nhưng không có phương án xử lý, việc thuộc thẩm quyền cấp nào thì cấp đó phải giải quyết, vượt thẩm quyền phải báo cáo kịp thời, kèm đề xuất cụ thể.

11. Về nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan, địa phương: Từng bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương rà soát, thực hiện những nội dung tại các Phụ lục: II, III, IV kèm theo Nghị quyết này.

III. Về kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 6 tháng đầu năm 2026

Chính phủ cơ bản thống nhất với dự thảo Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 6 tháng đầu năm 2026 tại Tờ trình số 6450/TTr-VPCP ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ. Giao Văn phòng Chính phủ tổng hợp, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, đại biểu dự họp, hoàn thiện, phát hành Báo cáo gửi các bộ, cơ quan, địa phương để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành 6 tháng cuối năm 2026.

IV. Về Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện Nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 6 tháng đầu năm 2026

Chính phủ cơ bản thống nhất với các Báo cáo sau của Bộ Tài chính: Báo cáo số 486/BC-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2026 về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; Báo cáo số 487/BC-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2026 về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP trong 6 tháng đầu năm 2026; yêu cầu các bộ,

cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ, giải pháp như đề xuất tại Báo cáo nêu trên. Đồng thời, tăng cường đối thoại, tiếp nhận, xử lý và phản hồi kịp thời các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.

V. Về công tác chuẩn bị năm học mới 2026 - 2027

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quán triệt, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chỉ đạo tại Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về công tác chuẩn bị năm học mới 2026 - 2027; yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được khẩn trương triển khai những công việc sau đây:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Khẩn trương hoàn thiện, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; nghiên cứu, hướng dẫn thí điểm các mô hình quản trị giáo dục mới, phù hợp yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương hoàn thành sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục trước ngày 30 tháng 8 năm 2026. Hướng dẫn các địa phương rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp; bảo đảm đủ giáo viên, sách giáo khoa, thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

c) Chủ trì hướng dẫn các giải pháp bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ma túy, thuốc lá điện tử và các rủi ro đối với học sinh trên không gian mạng.

d) Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn địa phương tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển giáo viên; ưu tiên tăng cường giáo viên trực tiếp giảng dạy, giảm khâu trung gian, giảm biên chế quản lý giáo dục không cần thiết.

đ) Chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức Lễ khai giảng năm học 2026 - 2027 và Lễ khánh thành các trường phổ thông liên cấp nội trú xã biên giới đất liền vào sáng ngày 05 tháng 9 năm 2026 bảo đảm trang trọng, vui tươi, an toàn, tiết kiệm, thiết thực.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm bảo đảm đủ trường, lớp, giáo viên, sách giáo khoa, thiết bị dạy học tối thiểu và an toàn công trình trường học trước năm học mới; rà soát, xử lý kịp thời các công trình xuống cấp, mất an toàn.

b) Khẩn trương tuyển dụng hết số biên chế giáo viên được giao; rà soát, điều chuyển, bố trí giáo viên phù hợp đến từng xã, phường, từng cơ sở giáo dục; ưu tiên giáo viên trực tiếp đứng lớp, hạn chế tình trạng thừa, thiếu cục bộ.

c) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; chủ động phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ma túy, thuốc lá điện tử và rủi ro trên không gian mạng; xử lý nghiêm trách nhiệm nếu để xảy ra vụ việc nghiêm trọng trong cơ sở giáo dục.

d) Rà soát quy hoạch, quỹ đất, thủ tục đầu tư xây dựng trường học; bố trí đồng bộ trường học với hạ tầng xã hội, nhất là tại đô thị, khu công nghiệp, khu vực đông dân cư; không để tình trạng đô thị phát triển nhưng thiếu trường, thiếu lớp.

đ) Đối với các trường phổ thông liên cấp nội trú tại xã biên giới đất liền, phải bảo đảm tiến độ xây dựng, đồng bộ về giáo viên, ký túc xá, nước sạch, bếp ăn, thiết bị dạy học và phương án vận hành sau đầu tư.

e) Chủ động rà soát các tòa nhà công vụ, trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư để đề xuất, tổ chức chuyển đổi công năng thành cơ sở giáo dục, cơ sở y tế theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công.

g) Đề nghị đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực tiếp làm việc với ngành giáo dục để chỉ đạo cụ thể hóa, triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển giáo dục và đào tạo, cùng các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước; bảo đảm chuyển biến thực chất, rõ kết quả trong từng nhà trường, từng địa phương, nhất là về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, điều kiện học tập của học sinh và chất lượng giáo dục.

VI. Về việc báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế làm việc của Chính phủ

Thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ, tại Phiên họp, Bộ Công Thương báo cáo về việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ thí điểm một số chính sách trong triển khai lộ trình sử dụng xăng E10; Bộ Tư pháp báo cáo ý kiến của Chính phủ về kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bộ Nội vụ báo cáo ý kiến của Chính phủ về Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

Phụ lục I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHỦ YẾU 06 THÁNG NĂM 2026 CỦA CẢ NƯỚC VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

Bảng 1: Một số chỉ tiêu KTXH chủ yếu 06 tháng năm 2026

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026 (theo Nghị quyết số 01/NQ-CP)	Thực hiện 06 tháng năm 2026
1	Tăng trưởng GDP	%	Phấn đấu từ 10% trở lên	8,18%
2	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5%	4,38%
3	Thu NSNN	%	Phấn đấu vượt ít nhất 10% dự toán	62% dự toán
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Triệu tỷ đồng	-	Trên 1,8 triệu tỷ đồng
5	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	%	100%	35,5%
6	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	15-16%	21%
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	12-14%	10,8%
8	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	13-15%	12,9%
9	Tăng trưởng thương mại điện tử (thị trường TMĐT B2C)	%	20-22%	-
10	Thu hút FDI (vốn FDI thực hiện)	Tỷ USD	-	13,03 tỷ USD
11	Khách du lịch quốc tế	Triệu lượt khách	25	12,25 triệu lượt khách

Bảng 2: Ước thực hiện thu NSNN tháng 6 và 06 tháng năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Ước thực hiện		Thực hiện 6 tháng so (%)	
			Tháng 6	6 tháng	Dự toán	C.kỳ 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	Tổng số	**2.529.467**	**205.020**	**1.568.153**	**62,0**	**117,4**
I	**Thu nội địa**	**2.199.967**	**167.099**	**1.352.657**	**61,5**	**116,5**
	- Không kể đất, XSKT, cổ phần hóa, cổ tức, LN	*1.558.740*	*113.019*	*1.000.769*	*64,2*	*127,2*
	- Thu 3 khu vực kinh tế	*1.019.589*	*71.160*	*721.107*	*70,7*	*140,2*
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	194.417	11.737	118.759	61,1	120,9
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	321.418	18.716	214.867	66,8	136,9
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	503.754	40.707	387.481	76,9	149,5
4	Thuế thu nhập cá nhân	237.037	6.669	117.029	49,4	93,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	43.846	420	15.934	36,3	75,7
6	Các loại phí, lệ phí	110.135	9.653	58.198	52,8	111,9
7	Các khoản thu về nhà, đất	550.778	60.120	277.161	50,3	99,8
8	Thu từ hoạt động xổ số	57.716	3.834	35.807	62,0	111,2
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12.617	1.275	5.535	43,9	95,6
10	Thu khác ngân sách	56.942	13.507	40.488	71,1	120,0
11	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	1.961	124	494	25,2	37,6
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	109.346	337	80.904	74,0	83,2
II	**Thu từ dầu thô**	**43.000**	**6.439**	**31.114**	**72,4**	**126,1**
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**278.000**	**31.429**	**183.562**	**66,0**	**122,9**
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	451.000	49.613	267.343	59,3	119,7
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng	- 173.000	- 18.184	- 83.781	48,4	113,4
IV	**Thu viện trợ**	**8.500**	**53**	**820**	**9,6**	**127,3**

Bảng 3: Tổng hợp một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của địa phương 06 tháng năm 2026

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 06 tháng (%)		Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)		Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ)		Thu hút vốn FDI đăng ký (triệu USD) ước 6 tháng	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (%) 6 tháng
			6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm		
1	TP. Hồ Chí Minh	23,30	8,55	10,2	10,9	12,2	11,8	15,0	302,6	1.013,2	7.878,1	4,41
2	Hà Nội	12,40	8,22	11,0	8,8	11-12	12,5	12,7	254,5	730	3.443,7	4,79
3	Hải Phòng	5,70	11,33	13,00	14,8	15,5-16	13,1	13,5	158,5	363	1.866,7	3,95
4	Đồng Nai	5,30	9,81	10,00	12,6	13	13,4	17,22	91,35	179,2	908,7	4,43
5	Bắc Ninh	4,10	10,56	12,5	19,5	17,5	14,3	8,5	73,5	224,5	2.623,9	3,78
6	Phú Thọ	3,20	10,18	11	25,1	26,2	11,4	14,5	67,2	171	680,01	4,24
7	Quảng Ninh	2,90	11,11	13	15,9	16	15,3	24	62,5	>130	593,4	3,9
8	Lâm Đồng	2,80	7,9	10,00	9,7	>12	14,2	23,87	48,36	134	4,15	4,4
9	Tây Ninh	2,70	10,12	10-10,5	15,1	13,89	13	14	53,2	134,99	1.065,56	4,72
10	Ninh Bình	2,70	11,44	11	27,3	26,5	13,3	19,5	78,6	180	1.267,6	3,47
11	Thanh Hóa	2,60	7,21	11	10,7	14	11,8	8,1	66,9	168	246,9	3,8
12	Hưng Yên	2,50	10,72	11-12	15,2	15	14,1	17,1	72,2	200	689,4	4,24
13	Đà Nẵng	2,50	9,52	>= 11,00	9,6	12,0	15,2	16-18	50,98	99,27	322,5	4,8
14	Cần Thơ	2,40	6,7	10,07	8,8	11-13	12,6	11-13	39,2	117,04	18,5	3,7
15	An Giang	2,30	8,83	10,71	14	13,19	13,4	24,98	47,6	113,5	15,7	3,23
16	Đồng Tháp	2,20	7,14	8,21	12,2	12,0	12,9	13,8	34,9	93,3-94,5	133,7	4,21
17	Vĩnh Long	2,20	6,41	10,0	9,2	17,1	13,3	12,0	26,8	79	98,96	4,33
18	Gia Lai	2,10	8,21	8,8-9,4	9,5	9,5-10,5	12,8	10,89	35,9	92,26	22,3	4,91
19	Nghệ An	1,90	9,65	10,5-11,5	23	19-20	13	18	61,4	145	2.282,56	4,26
20	Đắk Lắk	1,80	7,84	10,02	14	9,5	12,8	17	27,2	80,39	0,39	4,99
21	Khánh Hòa	1,60	9,03	10,2	9	11,5	14,8	16,5	43,9	129,4	8,37	5,11
22	Thái Nguyên	1,50	10,01	11	19,9	14,5	13,8	18,5	36,7	>135	8.062,3	5,95
23	Quảng Ngãi	1,50	8,55	9,0	12,9	13,0	12,8	12,4	22,7	98-100	39,16	3,92

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 06 tháng (%)		Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)		Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ)		Thu hút vốn FDI đăng ký (triệu USD) ước 6 tháng	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (%) 6 tháng
			6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm	6 tháng	Mục tiêu cả năm		
24	Cà Mau	1,30	6,6	10	11	11,61	12,8	15	37,5	90	99,45	4,57
25	Lào Cai	1,10	9,01	10,1	9,1	13	12,5	12,9	22,8	90	0,11	3,73
26	Quảng Trị	1,00	8,1	10,6	8,9	18	12,8	12,7	32,7	95	149,3	3,24
27	Hà Tĩnh	0,90	12,79	10,43	32,8	15,25	12,9	12	30,9	61,56	412,6	4,06
28	Sơn La	0,70	6,02	8	10,7	4,5	13,4	14,28	9,9	25,1	-	7,83
29	Tuyên Quang	0,70	7,72	10,17	9,3	10,05	13,8	6,74	13,6	47,8	5,96	5,58
30	Huế	0,70	8,33	>=10	10,2	16-17	14,1	13-14	17,3	43,3	123,03	5,31
31	Lạng Sơn	0,50	7,02	10,61	4,9	9,00	12,6	11,5	12,9	50	-	3,68
32	Lai Châu	0,30	9,91	10	6,3	25	12,4	11,69	6,75	15,39	-	3,95
33	Điện Biên	0,30	8,67	11,02	16	18,52	13,6	10,74	8,5	17,92	549,36	3,73
34	Cao Bằng	0,20	7,85	10	12,1	6,08	12,1	10	5,1	13,02	-	3,32

Bảng 4: Cập nhật kịch bản tăng trưởng GDP theo ngành kinh tế năm 2026

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Kịch bản tại Nghị quyết số 168/NQ-CP (*)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm (**)	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
	Tăng trưởng GDP	**10%**	**10%**	**8,18%**	**11,7%**		
1	**Nông, lâm, thủy sản**	**3,7%**	**4,0%**	**3,87%**	**4,1%**	**Bộ NNMT**	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
2	**Công nghiệp, xây dựng**	**12,0%**	**12,3%**	**9,81%**	**14,0%**		
a	***Công nghiệp***	***11,4%***	***11,8%***	***9,86%***	***13,1%***	***Bộ CT***	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Khai khoáng	1,1%	5,4%	6,67%	4,0%	Bộ CT	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,2%	12,2%	10,23%	13,8%	Bộ CT	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Sản xuất điện	12,2%	12,2%	9,34%	12,2%	Bộ CT	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Cung cấp nước; xử lý nước thải, rác thải	9,2%	10,2%	7,72%	12,3%	Bộ NNMT	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
b	***Xây dựng***	***14,5%***	***14,5%***	***9,51%***	***18,2%***	***Bộ XD***	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Kịch bản tại Nghị quyết số 168/NQ-CP (*)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm (**)	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
3	**Dịch vụ**	**10,0%**	**10,1%**	**8,09%**	**11,8%**		
-	Bán buôn, bán lẻ	11,2%	11,2%	9,67%	12,7%	Bộ CT	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Vận tải, kho bãi	12,1%	12,1%	10,18%	14,1%	Bộ CT, Bộ XD	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Lưu trú, ăn uống	12,6%	12,6%	8,05%	16,8%	Bộ VHTTDL, Bộ CT	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Thông tin và truyền thông	7,6%	7,6%	8,25%	7,0%	Bộ VHTTDL, Bộ KHCN	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	11,4%	11,4%	7,97%	14,0%	Bộ TC, NHNN	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	8,2%	8,2%	4,67%	11,1%	Bộ XD	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	8,1%	10,9%	8,24%	13,2%	Bộ KHCN	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	12,4%	12,4%	8,99%	16,3%	Các Bộ, cơ quan, địa phương	Các Bộ, cơ quan, địa phương

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Kịch bản tại Nghị quyết số 168/NQ-CP (*)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm (**)	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước	5,7%	6,1%	-1,39%	12,0%	Các Bộ, cơ quan, địa phương	Các Bộ, cơ quan, địa phương
-	Giáo dục và đào tạo	7,6%	7,6%	8,0%	7,3%	Bộ GDĐT	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Y tế và trợ giúp xã hội	6,9%	7,1%	7,96%	6,4%	Bộ Y tế	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	11,9%	11,9%	10,11%	13,5%	Bộ VHTTDL	Các Bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, DNNN theo chức năng, nhiệm vụ được giao

(*) Theo số liệu tháng 5 và ước của các địa phương tại thời điểm tháng 5.
(**) Theo số liệu thống kê tháng 6.

Bảng 5: Cập nhật kịch bản tăng trưởng GRDP của các địa phương năm 2026

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
1	**TP. Hồ Chí Minh (GRDP)**	**23,3**	**8,47**	**8,55**	**+0,08**	**10,2**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,16	2,99	-0,17	2,91
-	Công nghiệp - Xây dựng		8,15	8,50	+0,35	10
	Trong đó: Công nghiệp		8,05	8,49	+0,44	9,85
-	Dịch vụ		9,04	8,89	-0,15	10,89
2	**Hà Nội (GRDP)**	**12,4**	**7,87**	**8,22**	**+0,35**	**11**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,27	3,42	+0,15	3,6
-	Công nghiệp - Xây dựng		8,34	8,18	-0,16	11,16
	Trong đó: Công nghiệp		8,36	7,91	-0,45	9,71
-	Dịch vụ		8,15	8,51	+0,36	11,55
3	**Hải Phòng (GRDP)**	**5,7**	**12,42**	**11,33**	**-1,09**	**13**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,37	2,23	-0,14	2,35
-	Công nghiệp - Xây dựng		14,78	13,46	-1,32	15,4
	Trong đó: Công nghiệp		16,18	13,77	-2,41	15,73
-	Dịch vụ		9,84	10,24	+0,40	11,1
4	**Đồng Nai (GRDP)**	**5,3**	**9,24**	**9,81**	**+0,57**	**10**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,76	4,86	+0,10	4,46
-	Công nghiệp - Xây dựng		11,34	11,84	+0,50	12,12
	Trong đó: Công nghiệp		11,29	11,75	+0,46	11,93
-	Dịch vụ		8,16	8,57	+0,41	9,27
5	**Bắc Ninh (GRDP)**	**4,1**	**10,27**	**10,56**	**+0,29**	**12,5**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		0,04	0,40	+0,36	1,3
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,58	12,55	-0,03	15,1
	Trong đó: Công nghiệp		12,8	12,73	-0,07	13,7
-	Dịch vụ		7,41	8,18	+0,77	7,8
6	**Phú Thọ (GRDP)**	**3,2**	**10,87**	**10,18**	**-0,69**	**11**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,5	3,60	+0,10	3,5
-	Công nghiệp - Xây dựng		15,77	14,89	-0,88	15,6

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
	Trong đó: Công nghiệp		16,4	15,94	-0,46	16
-	Dịch vụ		8,79	7,58	-1,21	9
7	**Quảng Ninh (GRDP)**	**2,9**	**10,22**	**11,11**	**+0,89**	**13**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,9	4,47	+0,57	5,58
-	Công nghiệp - Xây dựng		10,38	11,00	+0,62	14,29
	Trong đó: Công nghiệp		10,29	10,83	+0,54	14,46
-	Dịch vụ		12,96	14,27	+1,31	13,83
8	**Lâm Đồng (GRDP)**	**2,8**	**7,63**	**7,90**	**+0,27**	**10**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,3	5,05	-0,25	5,10
-	Công nghiệp - Xây dựng		8,03	8,43	+0,40	12,85
	Trong đó: Công nghiệp		8,12	7,81	-0,31	12,39
-	Dịch vụ		8,75	9,17	+0,42	13,00
9	**Tây Ninh (GRDP)**	**2,7**	**9,62**	**10,12**	**+0,50**	**10,04**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,91	3,65	-0,26	3,54
-	Công nghiệp - Xây dựng		13,14	13,60	+0,46	13,21
	Trong đó: Công nghiệp		13,59	13,95	+0,36	13,52
-	Dịch vụ		7,13	7,92	+0,79	8,31
10	**Ninh Bình (GRDP)**	**2,7**	**12,04**	**11,44**	**-0,60**	**11**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,66	2,61	-0,05	2,89
-	Công nghiệp - Xây dựng		17,56	16,52	-1,04	14,86
	Trong đó: Công nghiệp		19,47	18,56	-0,91	15,67
-	Dịch vụ		10,27	9,80	-0,47	10,1
11	**Thanh Hóa (GRDP)**	**2,6**	**8,65**	**7,21**	**-1,44**	**11**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,79	3,13	+0,34	3,5
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,81	9,67	-3,14	14,0
	Trong đó: Công nghiệp		14,52	11,68	-2,84	16,4
-	Dịch vụ		6,64	6,46	-0,18	9
12	**Hưng Yên (GRDP)**	**2,5**	**10,15**	**10,72**	**+0,57**	**11,5**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,85	2,71	-0,14	2,51
-	Công nghiệp - Xây dựng		13,39	14,26	+0,87	14,58
	Trong đó: Công nghiệp		13,22	14,26	+1,04	13,63
-	Dịch vụ		8,6	8,87	+0,27	9,8

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
13	**Đà Nẵng (GRDP)**	**2,5**	**8,88**	**9,52**	**+0,64**	**11,22**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,26	3,27	+0,01	3,0
-	Công nghiệp - Xây dựng		10,34	11,72	+1,38	13,0
	Trong đó: Công nghiệp		9,03	9,02	-0,01	11,41
-	Dịch vụ		8,87	9,31	+0,44	12-12,5
14	**Cần Thơ (GRDP)**	**2,4**	**7,07**	**6,70**	**-0,37**	**10,07**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,5	4,47	-0,03	4,33
-	Công nghiệp - Xây dựng		7,9	6,49	-1,41	11,98
	Trong đó: Công nghiệp		7,96	6,34	-1,62	11,38
-	Dịch vụ		7,61	7,64	+0,03	12,01
15	**An Giang (GRDP)**	**2,3**	**8,31**	**8,83**	**+0,52**	**10,71**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,22	3,62	+0,40	3,76
-	Công nghiệp - Xây dựng		16,98	16,80	-0,18	21,55
	Trong đó: Công nghiệp		10,85	11,34	+0,49	11,73
-	Dịch vụ		8,63	9,45	+0,82	11,25
16	**Đồng Tháp (GRDP)**	**2,2**	**6,94**	**7,14**	**+0,20**	**8,21**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,15	4,15	0,00	5,03
-	Công nghiệp - Xây dựng		9,86	9,52	-0,34	12,27
	Trong đó: Công nghiệp		10,08	9,88	-0,20	12,22
-	Dịch vụ		7,38	8,06	+0,68	8,38
17	**Vĩnh Long (GRDP)**	**2,2**	**5,52**	**6,41**	**+0,89**	**10**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,38	3,40	+0,02	3,01
-	Công nghiệp - Xây dựng		4,09	7,58	+3,49	17,1
	Trong đó: Công nghiệp		4,07	8,49	+4,42	17,4
-	Dịch vụ		7,66	7,69	+0,03	11,19
18	**Gia Lai (GRDP)**	**2,1**	**7,94**	**8,21**	**+0,27**	**9,01**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,84	4,14	+0,30	3,7-3,8
-	Công nghiệp - Xây dựng		11,48	11,68	+0,20	11,6-12,8
	Trong đó: Công nghiệp		11,45	11,74	+0,29	12,21
-	Dịch vụ		7,88	8,17	+0,29	9,9-10,4
19	**Nghệ An (GRDP)**	**1,9**	**8,67**	**9,65**	**+0,98**	**11,05**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,79	4,64	-0,15	5,23

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,22	14,32	+2,10	16,42
	Trong đó: Công nghiệp		13,77	18,19	+4,42	16,5-17,93
-	Dịch vụ		8,58	8,71	+0,13	9,33-10,29
20	**Đắk Lắk (GRDP)**	**1,8**	**7,7**	**7,84**	**+0,14**	**10,02**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,99	5,98	-0,01	5,86
-	Công nghiệp - Xây dựng		11,81	11,12	-0,69	18,48
	Trong đó: Công nghiệp		11,57	12,51	+0,94	15,11
-	Dịch vụ		6,97	7,34	+0,37	9,6
21	**Khánh Hòa (GRDP)**	**1,6**	**8,07**	**9,03**	**+0,96**	**10,2**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		0,28	2,14	+1,86	2,3
-	Công nghiệp - Xây dựng		11,62	12,19	+0,57	14,21
	Trong đó: Công nghiệp		9,23	10,59	+1,36	10
-	Dịch vụ		8,34	9,27	+0,93	9,36
22	**Thái Nguyên (GRDP)**	**1,5**	**9,38**	**10,01**	**+0,63**	**11**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,11	4,22	+0,11	4
-	Công nghiệp - Xây dựng		13,26	13,52	+0,26	13,83
	Trong đó: Công nghiệp		14,27	14,43	+0,16	14,22
-	Dịch vụ		7,11	8,24	+1,13	10,5
23	**Quảng Ngãi (GRDP)**	**1,5**	**8,01**	**8,55**	**+0,54**	**9**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,44	3,34	-0,10	3,8
-	Công nghiệp - Xây dựng		10,28	11,31	+1,03	12,56
	Trong đó: Công nghiệp		12,81	14,74	+1,93	14,0
-	Dịch vụ		8,5	8,86	+0,36	8,0
24	**Cà Mau (GRDP)**	**1,3**	**6,21**	**6,60**	**+0,39**	**10**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,38	5,15	-0,23	5,5
-	Công nghiệp - Xây dựng		4,71	7,54	+2,83	16
	Trong đó: Công nghiệp		1,99	6,24	+4,25	13,6
-	Dịch vụ		7,87	7,39	-0,48	11,8
25	**Lào Cai (GRDP)**	**1,1**	**8,48**	**9,01**	**+0,53**	**10,1**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,16	5,19	+0,03	5,3
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,11	11,93	-0,18	15,2
	Trong đó: Công nghiệp		11,92	12,16	+0,24	14,8

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
-	Dịch vụ		7,85	8,72	+0,87	9,01
26	**Quảng Trị (GRDP)**	**1,0**	**8,17**	**8,10**	**-0,07**	**10,6**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,93	3,94	+0,01	3,2
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,01	11,36	-0,65	19,29
	Trong đó: Công nghiệp		11,71	10,88	-0,83	21,27
-	Dịch vụ		7,75	7,91	+0,16	8,35
27	**Hà Tĩnh (GRDP)**	**0,9**	**12,02**	**12,79**	**+0,77**	**10,43**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		1,48	1,72	+0,24	3,02
-	Công nghiệp - Xây dựng		21,6	24,25	+2,65	14,47
	Trong đó: Công nghiệp		24,04	28,34	+4,30	16,76
-	Dịch vụ		6,66	6,73	+0,07	8,27
28	**Sơn La (GRDP)**	**0,7**	**4,18**	**6,02**	**+1,84**	**8**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,21	3,47	-0,74	4,2
-	Công nghiệp - Xây dựng		4,49	10,57	+6,08	9,14
	Trong đó: Công nghiệp		3,84	11,92	+8,08	8,5
-	Dịch vụ		4,43	5,56	+1,13	9,4
29	**Tuyên Quang (GRDP)**	**0,7**	**7,23**	**7,72**	**+0,49**	**10,17**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,16	5,32	+0,16	5,58
-	Công nghiệp - Xây dựng		11,33	10,29	-1,04	14,87
	Trong đó: Công nghiệp		12,29	11,81	-0,48	15,68
-	Dịch vụ		6,61	7,95	+1,34	10,57
30	**Huế (GRDP)**	**0,7**	**9,22**	**8,33**	**-0,89**	**10,02**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,46	4,20	-0,26	4,19
-	Công nghiệp - Xây dựng		12,25	9,56	-2,69	13,31
	Trong đó: Công nghiệp		13,06	10,20	-2,86	14,25
-	Dịch vụ		8,52	8,40	-0,12	9,3
31	**Lạng Sơn (GRDP)**	**0,5**	**6,54**	**7,02**	**+0,48**	**10,61**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,41	4,82	-0,59	5,24
-	Công nghiệp - Xây dựng		9,34	8,24	-1,10	16,36
	Trong đó: Công nghiệp		8,37	7,68	-0,69	15,33
-	Dịch vụ		6,09	7,42	+1,33	9,99
32	**Lai Châu (GRDP)**	**0,3**	**6,69**	**9,91**	**+3,22**	**10**

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Số dự báo 6 tháng đầu năm tại NQ 168 *(dựa trên kết quả 05 tháng)*	Số thực hiện 06 tháng đầu năm (*cập nhật tháng 6*)	Chênh lệch số thực hiện và số dự báo	Mục tiêu tăng trưởng năm 2026
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,41	4,43	+0,02	4,55
-	Công nghiệp - Xây dựng		9,16	17,07	+7,91	14,21
	Trong đó: Công nghiệp		9,9	21,48	+11,58	21,36
-	Dịch vụ		5,89	6,28	+0,39	8,0
33	**Điện Biên (GRDP)**	**0,3**	**7,93**	**8,67**	**+0,74**	**11,02**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,36	4,16	+0,80	4,03
-	Công nghiệp - Xây dựng		13,26	12,92	-0,34	17,46
	Trong đó: Công nghiệp		13,82	14,38	+0,56	10,63
-	Dịch vụ		8,05	8,98	+0,93	10,81
34	**Cao Bằng (GRDP)**	**0,2**	**7,97**	**7,85**	**-0,12**	**10**
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,51	5,66	+0,15	4,45
-	Công nghiệp - Xây dựng		16,09	15,56	-0,53	23,46
	Trong đó: Công nghiệp		10,11	11,81	+1,70	9,26
-	Dịch vụ		6,54	6,19	-0,35	8,28

Phụ lục II
NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAO CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG 7 NĂM 2026 VÀ THỜI GIAN TỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Quán triệt, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 168/NQ-CP và Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ. Trong đó, các địa phương có tốc độ tăng trưởng quý II và 06 tháng năm 2026 thấp hơn kịch bản đề ra hoặc thấp hơn mức bình quân chung của cả nước phải khẩn trương rà soát, cập nhật kịch bản; đánh giá các nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhận diện đầy đủ các điểm nghẽn, tồn tại, hạn chế; bám sát mục tiêu, yêu cầu, kịch bản điều hành tăng trưởng kinh tế "2 con số" năm 2026 và giai đoạn 5 năm 2026 - 2030, xác định rõ động lực và dư địa tăng trưởng mới để xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp đột phá, khả thi, dồn lực cho các quý còn lại để bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm. Các địa phương có tốc độ tăng trưởng đạt và vượt kịch bản đề ra tiếp tục phấn đấu đạt mức cao hơn; các địa phương đầu tàu kinh tế phát huy hơn nữa vai trò dẫn dắt, lan tỏa, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu được giao, đóng góp nhiều hơn vào thu ngân sách nhà nước, tăng trưởng kinh tế chung của cả nước.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 của Ban Chỉ đạo nhà nước các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia chuyên đề về lĩnh vực giao thông vận tải; theo dõi sát tiến độ triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là về giải phóng mặt bằng, nguồn cung vật liệu xây dựng và các điều kiện triển khai dự án để đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành, đưa các dự án vào khai thác.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan quyết liệt thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các công trình, dự án tồn đọng, kéo dài theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật, các chương trình mục tiêu quốc gia, góp phần khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; bảo đảm năng lực, điều kiện, nguồn lực cho chính quyền cấp xã, vận hành thông suốt, hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp.

d) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan phát triển nhà ở cho thuê theo đúng chủ trương của Đảng và quy định pháp luật, đánh giá kỹ nhu cầu thực tế, khả năng hấp thụ của thị trường và hiệu quả đầu tư; bảo đảm cân đối cung - cầu dưới sự điều tiết phù hợp của Nhà nước; không triển khai kiểu phong trào, chạy theo thành tích.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chức năng bám sát tình hình, thực hiện nghiêm trách nhiệm quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về phòng cháy, chữa cháy rừng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Nâng

cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2022, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; tổng hợp, đề xuất hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho công tác bảo vệ và phát triển rừng gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

e) Chỉ đạo, tổ chức thường xuyên công tác rà soát kê khai giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, niêm yết giá theo đúng quy định; tăng cường công tác nắm tình hình, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ địa bàn biên giới, cửa khẩu, địa bàn nội địa và không gian mạng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

g) Phối hợp với ngành y tế và cơ quan chức năng để chủ động phòng, chống dịch bệnh; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, cảnh báo kịp thời các địa điểm có nguy cơ gây tai nạn đuối nước tại địa bàn và chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, khắc phục.

h) Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn theo các nhóm đối tượng, trong đó quan tâm, ưu tiên đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo... theo hướng dẫn của Bộ Y tế để bảo đảm đạt mục tiêu đề ra.

i) Quan tâm bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và nhân lực cho công tác pháp chế; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, bản lĩnh nghề nghiệp, nhận thức và ý thức trách nhiệm của đội ngũ pháp chế viên, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác pháp chế.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Tập trung triển khai đúng hạn các nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW; xây dựng, hoàn thiện hồ sơ các dự án luật, nghị quyết để trình Quốc hội tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất và các dự án luật, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026 có thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 7 năm 2026 để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10 năm 2026). Tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó thực hiện nghiêm túc việc xin ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kết quả tổng rà soát văn bản của bộ, ngành mình.

b) Khẩn trương xây dựng, ban hành 22 nghị định quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 trở về trước; không đề xuất lùi thời hạn trình văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực trừ trường hợp có sự thay đổi về chủ trương, chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung của văn bản quy định chi tiết. Thực hiện rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2026 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 721/TTg-PL ngày 24 tháng 6 năm 2026.

c) Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian qua về việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, nhất là các chỉ đạo mới nhất của Thủ tướng Chính phủ nêu tại Công văn số 707/TTg-PL ngày 20 tháng 6 năm 2026 về việc thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ pháp chế có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn sâu, tư duy đổi mới và năng lực tham mưu chiến lược; bảo đảm tổ chức pháp chế được tham gia thực chất, từ khâu đề xuất, hoạch định chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến tổ chức thi hành pháp luật. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút chuyên gia, nhà khoa học và tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ theo tinh thần Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

đ) Hoàn thiện đồng bộ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về đầu tư, kinh doanh, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí logistics của nền kinh tế.

e) Tăng cường quản lý giá cả, thị trường các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý; chủ động các giải pháp, kịch bản điều hành giá điện, xăng dầu, dịch vụ y tế, giáo dục và các mặt hàng do Nhà nước quản lý với thời điểm, mức độ phù hợp để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, thao túng, trục lợi và tăng giá bất hợp lý, nhất là trong bối cảnh giá xăng, dầu trong nước đã giảm.

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan tập trung hoàn thiện nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, trình Chính phủ trong tháng 7 năm 2026.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Khẩn trương hoàn thiện nội dung, chuẩn bị tốt hồ sơ, tài liệu các dự án luật, nghị quyết được giao chủ trì xây dựng, trình Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật hợp nhất Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đấu thầu…; trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, đồng thời quy định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, không để chậm trễ hơn nữa.

b) Tập trung xây dựng, hoàn thiện Đề án Khu thương mại tự do theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại văn bản số 2999/VPCP-KTTH ngày 04 tháng 4 năm 2026, báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 15 tháng 7 năm 2026.

c) Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan để nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

d) Bộ trưởng Bộ Tài chính - Phó Trưởng ban Thường trực Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tiếp tục chỉ đạo Ban chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gian lận thương mại và hàng giả, nhất là các mặt hàng ảnh hưởng đến sức khỏe của Nhân dân; theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác chống buôn lậu, vận chuyển, sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc lá trong tình hình mới; tổng hợp kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ và đột xuất theo quy định.

đ) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê mới, bảo đảm số liệu phải đầy đủ, toàn diện, khách quan, chính xác, đo lường sát thực tiễn để phục vụ tốt hơn công tác phân tích, dự báo, hoạch định chính sách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2026.

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan, địa phương tham mưu, phối hợp chặt chẽ với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương trong việc xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo chỉ đạo tại Thông báo số 67-TB/VPTW ngày 26 tháng 5 năm 2026.

g) Rà soát, khẩn trương bố trí đủ kinh phí về xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội.

h) Tiếp tục đầu mối nắm tiến độ, xử lý vướng mắc đối với các dự án đất đai theo kết luận của Bộ Chính trị, nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Theo dõi sát diễn biến kinh tế, tài chính, tiền tệ trong nước và quốc tế, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số". Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất huy động và cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng; tiếp tục đẩy mạnh xử lý nợ xấu. Rà soát kỹ lưỡng các nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng;

tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng của nền kinh tế và kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; có cơ chế, giải pháp bảo đảm nguồn vốn tín dụng cho các dự án lớn, trọng điểm, các dự án đã được Quốc hội, Chính phủ, các địa phương quyết định chủ trương đầu tư. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém, được kiểm soát đặc biệt.

c) Theo dõi chặt chẽ tình hình cán cân thanh toán quốc tế, dòng vốn ngoại tệ, tình hình xuất nhập khẩu, dòng vốn đầu tư, thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế và các yếu tố tác động đến vĩ mô, tiền tệ để chủ động có các giải pháp quản lý, điều hành phù hợp; tăng cường công tác thanh tra, giám sát, quản lý, giữ ổn định thị trường ngoại hối.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Thường xuyên cập nhật các kịch bản, phương án vận hành hệ thống điện quốc gia phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong mọi tình huống; chuẩn bị các phương án ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố phát sinh. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nguồn điện, lưới điện trọng điểm; thực hiện hiệu quả các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch điện VIII theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 273/TB-VPCP ngày 30 tháng 5 năm 2026. Trình Chính phủ trong tháng 7 năm 2026 Nghị định thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung về kinh doanh xăng dầu, trong đó có việc tổ chức lại hệ thống kinh doanh xăng dầu. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Dầu khí (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực…

b) Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường năng lượng thế giới, chủ động có các giải pháp điều hành phù hợp nhằm bảo đảm đầy đủ nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước. Chỉ đạo tăng sản lượng khai thác dầu khí trong nước gắn với bảo đảm an toàn các mỏ; ưu tiên bảo đảm nguồn cung dầu thô cho các nhà máy lọc dầu trong nước. Khẩn trương xây dựng Chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về thúc đẩy thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng; đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", phát huy hơn nữa vai trò của thị trường trong nước đối với tăng trưởng kinh tế. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan đổi mới nội dung, phương thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và doanh nghiệp trong thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP. Hoàn thành việc đề xuất Chương trình "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" gắn với yêu cầu nâng cấp các ngành sản xuất trong tháng 7 năm 2026.

d) Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường; kịp thời cập nhật, phổ biến các chính sách thương mại, thuế quan, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu mới của các thị trường xuất khẩu để doanh nghiệp chủ động điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp tình hình; hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó

hiệu quả với các biện pháp phòng vệ thương mại và các vụ việc tranh chấp thương mại phát sinh. Tiếp tục khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết, đẩy mạnh đàm phán, ký kết các FTA mới để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu bền vững. Tham mưu các giải pháp xử lý vấn đề thuế quan, sở hữu trí tuệ với Hoa Kỳ.

đ) Phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và các địa phương kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp và các dự án đầu tư, đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa các dự án vào vận hành, góp phần mở rộng quy mô và gia tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế, ưu tiên các ngành sản xuất kim loại, ô tô, điện tử, linh kiện, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ... Phối hợp với các doanh nghiệp đầu chuỗi xác định nhu cầu về sản phẩm, linh kiện, nguyên vật liệu và các yêu cầu kỹ thuật của chuỗi cung ứng; hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực sản xuất, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng trong một số ngành hàng trọng điểm.

e) Bộ Công Thương, Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2026 việc xây dựng Đề án tái cấu trúc Tập đoàn Điện lực Việt Nam phù hợp với thị trường điện cạnh tranh.

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Làm tốt công tác dự báo thời tiết, khí tượng thủy văn, kịp thời cung cấp thông tin, chủ động chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai, nhất là trong mùa mưa bão sắp tới; vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để ứng phó nguy cơ thiếu nước. Tăng cường giám sát các vùng có nguy cơ cao xảy ra cháy rừng, sẵn sàng hỗ trợ các địa phương về lực lượng, trang thiết bị chữa cháy, thông tin điểm cháy, công tác chỉ huy khi có cháy rừng lớn xảy ra; duy trì chế độ thường trực công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

b) Tập trung chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản; phối hợp với các bộ, địa phương khẩn trương rà soát toàn diện các quy định có liên quan, kịp thời sửa đổi để xử lý vướng mắc, bất cập trong cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, kiểm định nông sản, sản xuất và nhập khẩu vắc xin, thuốc thú y…, bảo đảm giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, phòng, chống lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực.

c) Khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ Dự án Luật Đất đai sửa đổi, trình Chính phủ trước ngày 20 tháng 7 năm 2026.

d) Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo, bảo đảm tiến độ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI.

đ) Rà soát, thống nhất kế hoạch kiểm tra phục vụ công tác chống khai thác IUU. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới; hoàn thành trước ngày 20 tháng 8 năm 2026.

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại các địa phương.

g) Khẩn trương kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp bảo đảm việc quy định thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai theo nội dung phân cấp tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 để không tạo khoảng trống pháp lý, tránh ách tắc trong thực hiện.

h) Tập trung chỉ đạo và đôn đốc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện và khẩn trương hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Chương trình theo quy định tại Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Đôn đốc, chỉ đạo việc đầu tư, xây dựng các trạm dừng nghỉ trên tất cả các tuyến đường bộ cao tốc trên phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trong tháng 7 năm 2026.

b) Tập trung, hoàn thiện trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định mở rộng đối tượng thuê nhà ở công vụ tại các địa phương thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; kế hoạch phát triển nhà ở công vụ của các cơ quan trung ương giai đoạn 2026 - 2030.

c) Tập trung triển khai các nhiệm vụ, dự án đường sắt trọng điểm quốc gia, nhất là Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; khẩn trương hoàn thành lựa chọn tổ hợp nhà thầu tư vấn quốc tế có năng lực, kinh nghiệm để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và thuê đơn vị, tổ chức đủ năng lực để thẩm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án theo quy định. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù; ưu tiên phát triển công nghiệp đường sắt, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận, làm chủ công nghệ.

d) Chủ động đôn đốc, phối hợp với các địa phương theo dõi sát diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, biến động giá cả để kịp thời xử lý theo thẩm quyền; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, địa phương thiết lập cơ chế điều phối liên vùng trong quản lý nguồn cung vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực giao thông vận tải.

đ) Rà soát quỹ đất, hoàn thiện quy hoạch, quy định pháp lý để phát triển nhà ở cho thuê theo đúng chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), bảo đảm tiến độ trình Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

e) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực xây dựng.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tiếp tục chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các hoạt động đối nội, đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các nội dung chỉ đạo, điều hành

quan trọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự quyết tâm, cố gắng của các bộ, ngành, địa phương thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; hình thành dòng thông tin chủ lưu tích cực về đất nước, tạo đồng thuận xã hội, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

b) Tập trung thực hiện hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của du lịch Việt Nam, có các giải pháp trọng tâm, cụ thể, khả thi để phấn đấu vượt mục tiêu thu hút khách du lịch quốc tế; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, đặc sắc, có giá trị gia tăng cao để thúc đẩy chi tiêu của khách quốc tế và kích cầu du lịch nội địa, góp phần cải thiện cán cân dịch vụ và tăng thặng dư du lịch. Khai thác tối đa cơ hội trong những tháng cao điểm du lịch hè năm 2026, nhất là các hoạt động, sự kiện trong khuôn khổ Năm Du lịch Quốc gia - Gia Lai 2026, Năm Du lịch hợp tác Việt Nam - Trung Quốc 2026 - 2027.

c) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách trọng điểm đã được giao tại Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

d) Khẩn trương bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Bộ chỉ số văn hóa quốc gia, Bộ chỉ số thống kê đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đối với phát triển kinh tế.

đ) Khẩn trương phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hoàn thiện đồng bộ văn bản hướng dẫn thực hiện và sổ tay hướng dẫn quy trình thực hiện từng nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; sớm vận hành Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Chỉ đạo triển khai hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các kết luận của Ban Chỉ đạo 57 Trung ương, Ban Chỉ đạo 57 Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục rà soát Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện để tháo gỡ các điểm nghẽn, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW.

c) Hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 7 năm 2026.

10. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới và khu vực, duy trì hệ thống giám sát dịch bệnh chặt chẽ; xử lý hiệu quả tình trạng thiếu thuốc,

vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. Tăng cường quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm. Khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 8 năm 2026: Đề án hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ đối với hệ thống phân phối dược giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2035; Đề án quản lý chuỗi cung ứng thiết bị y tế giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

b) Bảo đảm thực hiện lộ trình phấn đấu đến hết năm 2026 toàn dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí và được lập Sổ sức khỏe điện tử theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026.

c) Khẩn trương hoàn thiện các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; đề xuất phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán chi và kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm 2026 theo quy định.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tập trung chuẩn bị năm học mới 2026 - 2027 theo đúng chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bảo đảm tiến độ hoàn thành các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới (khởi công đợt 1) trước ngày 30 tháng 8 năm 2026 và đưa vào vận hành ngay trong năm học mới. Rà soát, công khai danh sách các địa phương và các trường chậm và nguy cơ chậm tiến độ; đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện để vận hành hiệu quả.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương và các địa phương rà soát, báo cáo tổng thể về số liệu thừa, thiếu giáo viên mầm non, phổ thông sau khi các địa phương thực hiện phân bổ biên chế theo Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị; đề xuất phương án giải quyết cho năm học 2026 - 2027, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10 tháng 7 năm 2026.

c) Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ về Chương trình cấp học bổng toàn phần dành cho các nhà khoa học trẻ, sinh viên xuất sắc đi đào tạo tại các trường đại học hàng đầu thế giới về các công nghệ chiến lược; Chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề; triển khai đào tạo, tái đào tạo quy mô cấp quốc gia nguồn nhân lực trong lĩnh vực ưu tiên, chiến lược.

d) Khẩn trương hoàn thiện các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; đề xuất phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán chi và kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm 2026 theo quy định.

12. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Theo dõi sát tình hình lao động, việc làm để kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển bền vững thị trường lao động, tăng năng suất lao động toàn xã hội gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng 2 con số, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Thực hiện tốt vai trò cơ quan thường trực giúp Chính phủ theo dõi tình hình tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, tham mưu giải pháp tháo gỡ, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương nghiên cứu, hoàn thiện đồng bộ thể chế, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp, thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để giữa Trung ương và địa phương, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn. Theo dõi, đôn đốc các địa phương sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, phối hợp giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách.

13. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan hoàn thiện dự thảo Tờ trình đề xuất của Chính phủ về Chương trình lập pháp năm 2027, trình Chính phủ trước ngày 10 tháng 7 năm 2026, trong đó, có ý kiến rõ ràng về đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc rút các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết khỏi Chương trình lập pháp hằng năm. Ưu tiên, tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng thẩm định các dự án luật, nghị quyết dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2026 bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ.

b) Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các bộ, cơ quan trong việc soạn thảo, ban hành và trình ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết; tổng hợp, cập nhật tiến độ chậm, nợ văn bản quy định chi tiết, nguyên nhân chậm, nợ của từng văn bản, trách nhiệm của các cơ quan và đề xuất giải pháp xử lý; tổ chức các hội nghị chuyên đề, diễn đàn trao đổi nghiệp vụ về xây dựng pháp luật và công tác pháp chế, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan khẩn trương tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện Nghị quyết của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; trình Lãnh đạo Chính phủ xem xét, ký ban hành.

d) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương chưa hoàn thành nhiệm vụ rà soát đúng hạn; hướng dẫn nghiệp vụ các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện tổng rà soát; kịp thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề vượt thẩm quyền.

đ) Nghiên cứu, tham mưu kiện toàn lại; điều chỉnh, hoàn thiện quy chế, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với bối cảnh, yêu cầu mới đối với Ban Chỉ đạo của Chính phủ về rà soát văn bản và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật; sớm chuẩn bị phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo gắn với nhiệm kỳ mới của Chính phủ.

14. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Chủ động làm tốt công tác nghiên cứu chiến lược, nắm chắc, đánh giá, dự báo sát tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách

xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng và các địa bàn trọng điểm; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, các hoạt động phát triển kinh tế biển; kiên quyết, kiên trì, linh hoạt đấu tranh xua đuổi tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam; ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

b) Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện qua cửa khẩu, đường mòn lối mở; phối hợp đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, buôn lậu, mua bán người và các hành vi vi phạm pháp luật trên khu vực biên giới, biển đảo. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo, diễn tập, đáp ứng điều kiện tác chiến mới; chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện, phương án ứng phó hiệu quả với thiên tai, sự cố, thảm họa và các thách thức an ninh phi truyền thống.

15. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Nắm chắc tình hình, chủ động tham mưu xử lý hiệu quả các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, hoạt động của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế, các hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam. Triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh tại các địa bàn chiến lược; tăng cường đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc, sai sự thật trên không gian mạng.

b) Tập trung tấn công trấn áp tội phạm, triển khai hiệu quả cao điểm đấu tranh, xử lý tội phạm liên quan đánh bạc, cá độ bóng đá trong thời gian diễn ra World Cup 2026. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý cư trú, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Tăng cường công tác phòng, chống cháy, nổ; tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị; tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. Chủ động bố trí lực lượng, phương tiện, phương án sẵn sàng tham gia cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, sự cố và các tình huống khẩn cấp, không để bị động, bất ngờ.

16. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tiếp tục theo dõi sát tình hình thế giới và khu vực, nhất là diễn biến các điểm nóng xung đột, những thay đổi trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, đối tác quan trọng; thường xuyên có đánh giá tác động của tình hình thế giới, khu vực và quan hệ nước lớn đối với Việt Nam, chủ động đề xuất các biện pháp ứng phó phù hợp, tránh để bị động, bất ngờ.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, tập trung triển khai hiệu quả chương trình hoạt động đối ngoại 6 tháng cuối năm 2026 của Lãnh đạo chủ chốt và cấp cao; xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể triển khai hiệu quả, thực chất cam kết của Lãnh

đạo Chính phủ với các nước đối tác, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, đặc biệt với các đối tác lớn như Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, thực hiện định kỳ 3 tháng/lần báo cáo kết quả thực hiện

c) Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thỏa thuận quốc tế.

17. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tích cực rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các chương trình, chính sách dân tộc; tập trung giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở và các nhu cầu thiết yếu của đồng bào dân tộc thiểu số. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tăng cường đôn đốc, hướng dẫn, nâng cao hiệu quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nắm chắc tình hình dân tộc, tôn giáo, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh, không để bị động, bất ngờ; tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

18. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương khẩn trương rà soát, ban hành các Kết luận thanh tra đã kết thúc thanh tra; trực tiếp phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng các đề án theo Chương trình công tác năm 2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tập trung giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài; khẩn trương nắm, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thanh tra công tác cấp phép, quản lý các mỏ vật liệu xây dựng, xử lý nghiêm sai phạm.

19. Văn phòng Chính phủ tổng hợp kiến nghị của các địa phương tại Hội nghị, gửi các bộ, cơ quan liên quan xử lý theo quy định; yêu cầu các bộ, cơ quan khẩn trương xử lý kiến nghị của địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

20. Các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường truyền thông chính sách và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng thể chế, cắt giảm thủ tục hành chính, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo... Tuyên truyền, biểu dương tổ chức, cá nhân tiêu biểu, những nhân tố mới, gương người tốt, việc tốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo đời sống Nhân dân; nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả, truyền cảm hứng, tạo đồng thuận xã hội. Định hướng kịp thời đối với thông tin chưa được kiểm chứng, không chính xác, gây ảnh hưởng niềm tin xã hội; quyết liệt đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, luận điệu xuyên tạc./.

Phụ lục III

DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐÃ CÓ HIỆU LỰC CẦN PHẢI BAN HÀNH TRONG THỜI GIAN TỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
I. BỘ CÔNG AN: ***06 Nghị định***				
Luật An ninh mạng	01/7/2026	Bộ Công an	1. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng (điểm a, b, c, d, đ và l khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 25; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 30; khoản 5 Điều 34)	**Đã trình lại** TTr số 322/TTr-BCA ngày 22/6/2026. VPCP đã trình TTgCP ngày 02/7/2026 cho phép xin ý kiến TVCP
		Bộ Công an	2. Nghị định quy định về phòng, chống tội phạm mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao (khoản 5 Điều 14)	**Đã trình lại** TTr số 333/TTr-BCA ngày 22/6/2026). VPCP đang xử lý theo quy định
		Bộ Công an	3. Nghị định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin (khoản 2 Điều 8; khoản 5 Điều 9; khoản 6 Điều 10 và khoản 5 Điều 12)	**Đã trình lại** TTr số 326/TTr-BCA ngày 23/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định
		Bộ Công an	4. Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (điểm e, h, i, k và m khoản 1 Điều 5)	**Đã trình lại** TTr số 337/TTr-BCA ngày 23/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định
		Bộ Công an	5. Nghị định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 29)	**Đã trình lại** TTr số 341/TTr-BCA-A05 ngày 24/6/2026 VPCP đã trình TTgCP ngày 01/7/2026 để cho phép lấy ý kiến TVCP

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
		Bộ Công an	6. Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân	**Đã trình lại** VB số 3202/BCA - A05 ngày 23/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định
II. BỘ TÀI CHÍNH: ***03 Nghị định***				
Nghị quyết số 259/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng	12/12/2025	Bộ Tài chính	7. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế, chính sách đặc thù về quy hoạch, đầu tư, tài chính, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, xuất nhập khẩu, thủ tục hành chính đối với dự án xây dựng khu đô thị lấn biển (Điểm i khoản 5 Điều 1)	**Chưa trình lại** LĐCP đã có văn bản giao Bộ trưởng BTC báo cáo xin ý kiến UBTVQH trước khi ban hành. Hiện chưa có ý kiến của UBTVQH trước khi ký
Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi)	01/1/2026 (Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026)	Bộ Tài chính	8. Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 35)	**Đã trình** TTr số 455/TTr-BTC ngày 30/6/2026. VPCP đang xin ý kiến TVCP
Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)	01/7/2026	Bộ Tài chính	9. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và hàng dự trữ quốc gia (hiệu lực 01/7/2026)	**Đã trình lại** Bộ Tài chính trình lại hồ sơ tối ngày 30/6/2026 VPCP đang xin kiến TVCP

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
III. BỘ CÔNG THƯƠNG: *01 Nghị định*				
Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030	01/3/2026	Bộ Công Thương	10. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng giai đoạn 2026 – 2030 (Khoản 7 Điều 4, khoản 2 Điều 10, khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 12)	**Chưa trình lại** - Ngày 16/6/2026, Bộ Công Thương đã có Báo cáo số 446/BC-BCT gửi Thủ tướng Chính phủ. - Ngày 17/6/2026, Văn phòng Chính phủ đã thực hiện lấy lại ý kiến TVCP tại Phiếu lấy ý kiến số 504/2026/PLYK
IV. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: *02 Nghị định*[1]				
Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2025 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam	01/7/2026	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11. Nghị định về Hạ tầng văn hóa số	**Đã trình** TTr số 329/TTr-BVHTTDL ngày 25/6/2026. VPCP đang xin ý kiến TVCP
V. BỘ QUỐC PHÒNG: *02 Nghị định*				
Luật An ninh mạng	01/7/2026	Bộ Quốc phòng	12. Nghị định quy định về hoạt động mật mã dân sự (điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 29)	**Đang trình ký** TTr số 2433/TTr- BQP ngày 14/4/2026. VPCP đang trình PTTg xem xét cho ý kiến chỉ đạo
		Bộ Quốc phòng	13. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (quy định về ngăn chặn xung đột	**Đã trình lại** TTr số 4247/TTr- BQP ngày 16/6/2026. VPCP đã lấy YKTVCP ngày 28/6/2026

[1] Có 01 Nghị định được LĐCP cho lùi thời hạn trình đến tháng 12/2026 tại Quyết định số 875/QĐ-TTg ngày 15/5/2026, cụ thể *"Nghị định về công nghiệp văn hóa (theo điểm a khoản 3 Điều 12)"*

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
			thông tin trên không gian mạng tại khoản 4 Điều 22 và quy định các nội dung trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 14, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 34 Luật An ninh mạng).	
VI. BỘ NGOẠI GIAO: ***01 Nghị định***				
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài	01/7/2026	Bộ Ngoại giao	14. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 08/2019/NĐ-CP quy định chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP (điểm c khoản 7 và khoản 11 Điều 1 của Luật)	**Chưa trình (đã thẩm định)** Ngày 22/6/2026, Bộ Tư pháp đã có báo cáo số 338/BCTĐ-BTP thẩm định hồ sơ dự thảo; Hiện Bộ Ngoại giao đang tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.
VII. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ***02 Nghị định***				
Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá	01/01/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	15. Nghị định quy định cơ chế tài chính, chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian và tự chủ đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (khoản 2, khoản 3 Điều 37 của Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 38, khoản 4 Điều 41	**Đã trình lại** TTr số 1175/TTr -GDĐT ngày 25/6/2026, 1233/TTr-GDĐT ngày 02/7/2026 VPCP đã xử lý theo quy định

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
phát triển giáo dục và đào tạo			Luật Giáo dục Đại học; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo)	
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục	01/1/2026 (Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	16. Nghị định quy định về quỹ học bổng quốc gia (khoản 4a Điều 85 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 23 Điều 1)	**Chưa trình lại** VPCP có PB số 2240/PB-VPCP ngày 29/6/2026 yêu cầu Bộ hoàn thiện lại hồ sơ
VIII. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: ***01 Nghị định***				
Luật Công nghệ cao (sửa đổi)	01/7/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	17. Nghị định quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khoản 6 Điều 24)	**Chưa trình lại** Bộ NNMT đang tiếp thu, giải trình ý kiến TVCP
IX. BỘ NỘI VỤ: ***01 Nghị định***				
Bộ Luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; Luật Việc làm năm 2025, Luật Công đoàn năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật MTTQ VN, Luật Công	01/7/2025	Bộ Nội vụ	18. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Khoản 2 Điều 36)	**Chưa trình lại** VPCP đã chuyển ý kiến TVCP. Hiện tại Bộ NV đang tiếp thu, giải trình ý kiến TVCP

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2025				
X. BỘ Y TẾ: ***01 Nghị định***				
Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân	01/01/2026	Bộ Y tế	19. Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế (khoản 4 Điều 3)	**Đã trình lại** TTr số 1207/TTr-BYT ngày 30/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định
XI. BỘ TƯ PHÁP: ***01 Nghị định***				
Nghị quyết số 20/2026/QH16 của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	01/5/2026	Bộ Tư pháp	20. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (khoản 4 Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 13, Điều 14, Điều 17 và Điều 18 của Nghị quyết)	**Đã trình** TTr số 111/TTr -BTP ngày 29/6/2026. Hiện đang rà soát, xử lý theo quy định.
XII. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: ***02 Nghị định***				
Luật Phục hồi, phá sản	01/3/2026	Ngân hàng Nhà nước	21. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phục hồi, phá sản về	**Đã trình lại** TTr số 112/TTr -NHNN ngày

TÊN LUẬT/ NGHỊ QUYẾT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC CỦA LUẬT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN PHẢI BAN HÀNH	TIẾN ĐỘ SOẠN THẢO
		Việt Nam	xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã, thanh toán hoặc bù trừ có lợi, tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực, bù trừ nghĩa vụ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 40, điểm c khoản 1 Điều 49, khoản 1 Điều 53)	30/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định
Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi)	01/5/2026	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	22. Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý đầu tư vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 31)[2]	**Đã trình lại** NHNNVN đã trình lại vào ngày 30/6/2026. VPCP đang xử lý theo quy định

[2] Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo nội dung quy định chi tiết khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 31 gửi Ngân hàng nhà nước để tổng hợp.

Phụ lục IV

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Cơ quan chủ trì	Thời hạn	Đơn vị chưa hoàn thành
1.	Nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Công an	30/6/2026	Bộ Công an
2.	Trình Chính phủ Nghị định quy định về cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Công an	31/3/2026	Bộ Công an
3.	Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an.	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026	Bộ Công an	30/6/2026	Bộ Công an
4.	Tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ chế, chính sách đặc biệt thực hiện Dự án Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ hạt nhân	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	30/6/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	30/6/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Cơ quan chủ trì	Thời hạn	Đơn vị chưa hoàn thành
6.	Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Đồng Tháp, Lâm Đồng, Lào Cai, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quảng Ngãi, Sơn La, Thanh tra Chính phủ, Vĩnh Long, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
7.	Ban hành kiến trúc dữ liệu bộ, ngành, địa phương bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Các bộ, ngành, địa phương	31/3/2026	Bộ Y tế, Thanh tra Chính phủ, Quảng Ngãi
8.	Xây dựng Kiến trúc bảo vệ an ninh mạng quốc gia	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Công an	31/3/2026	Bộ Công an
9.	Xây dựng Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026	Bộ Công an	31/3/2026	Bộ Công an

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Cơ quan chủ trì	Thời hạn	Đơn vị chưa hoàn thành
10.	Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng "Bình dân học vụ số", kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	Bộ Tài chính và các địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách	30/6/2026	Thành phố Hà Nội, Hưng Yên, Đồng Tháp
11.	Bộ Công an trao đổi, thống nhất với Bộ Tài chính về việc xây dựng khung pháp lý về định giá dữ liệu, cơ chế thu phí, giá khai thác, sử dụng dữ liệu từ Trung tâm Dữ liệu quốc gia, chính sách ưu đãi thuế, vốn cho doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến dữ liệu, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nêu trên trong Quý II năm 2026	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026 của Văn phòng Chính phủ	Bộ Công an	30/6/2026	Bộ Công an
12.	Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hoàn thành việc lựa chọn, xác định và giao nhiệm vụ phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên (nhất là AI, UAV…) trong Quý II năm 2026	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	30/6/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ
13.	Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định mới về cơ chế cấp kinh phí nghiên cứu theo gói (block funding) cho các giáo sư, nhóm nghiên cứu mạnh; chuyển đổi triệt để thước đo đánh giá từ việc đếm bài báo khoa học quốc tế sang đánh giá năng lực tác động lâu dài, thực tế của sản phẩm, hoàn thành trong Quý II năm 2026	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	30/6/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Cơ quan chủ trì	Thời hạn	Đơn vị chưa hoàn thành
14.	Giao một đầu mối thống nhất về chuyển đổi số chịu trách nhiệm quản lý, điều phối hạ tầng số, nền - tảng số, CSDL, kết nối, chia sẻ và bảo đảm an ninh dữ liệu	Thông báo số 246/TB-VPCP ngày 12/5/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Lâm Đồng, Quảng Ngãi
15.	Hoàn thành phương án xử lý dứt điểm các cơ sở vật chất, tài sản công (nhà, đất) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bị dôi dư sau khi thực hiện quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 18-NQ/TW	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Nghệ An, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Lâm Đồng, Hà Tĩnh
16.	Rà soát, sửa đổi các quy định, cắt giảm thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Quảng Ngãi
17.	Rà soát, tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu, xác định, công bố và cập nhật bộ dữ liệu chủ chuyên ngành tích hợp vào Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quảng Ngãi, Sơn La, TP. Hà Nội, Đồng Tháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ, Bộ Y tế

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Cơ quan chủ trì	Thời hạn	Đơn vị chưa hoàn thành
18.	Triển khai kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với 09 cơ sở dữ liệu đã được công bố	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	30/6/2026	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Đồng Tháp, Quảng Ngãi
19.	Tổ chức tổng kết 01 năm triển khai phong trào "Bình dân học vụ số"	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026 của Văn phòng Chính phủ	Các địa phương	30/6/2026	Thành phố Hà Nội, Lào Cai, Quảng Ngãi, Đồng Tháp
20.	Xây dựng khung pháp lý về định giá dữ liệu, phí, giá khai thác dữ liệu từ Trung tâm dữ liệu quốc gia	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ	Bộ Công an	30/6/2026	Bộ Công an